

Chương trình học tiếng Đức

Trình độ A1.1 — Dành cho người lớn

Giáo trình: Menschen A1.1 (NXB Hueber)

Thông tin khóa học

Trình độ	A1.1 (nửa đầu của trình độ A1)
Giáo trình	Menschen A1.1 (NXB Hueber)
Đối tượng	Người lớn
Nội dung	12 bài học (Lektion 1–12) chia thành 4 phần, kèm phần ôn tập sau mỗi phần
Số giờ học	40–60 giờ học cùng giáo viên
Hình thức	Học trực tuyến qua Zoom, hoặc học trực tiếp tại Đà Nẵng
Yêu cầu đầu vào	Không yêu cầu — đây là trình độ bắt đầu
Kiểm tra	Cuối mỗi bài học có bài kiểm tra trong sách, học viên làm ở nhà và được chữa cùng giáo viên trên lớp

Phương pháp giảng dạy

- Mọi buổi học đều do giáo viên bản ngữ tiếng Đức trực tiếp giảng dạy.
- Trọng tâm chính là kỹ năng nói. Học viên được nói trong mọi buổi học, ngay từ buổi đầu tiên.
- Ngữ pháp và từ vựng được dạy để phục vụ cho việc nói, chứ không thay thế việc nói.
- Học viên cũng được tìm hiểu về văn hóa và cuộc sống thường ngày ở Thụy Sĩ và Đức.

Cách đọc chương trình này

- Số giờ trong bảng là thời gian học cùng giáo viên. Bài tập về nhà, học từ vựng và ôn tập là phần thêm, thường chiếm thêm khoảng 30–50% thời gian.
- Số giờ được ghi theo khoảng vì tiến độ phụ thuộc vào kinh nghiệm ngoại ngữ trước đó, thời gian bạn dành cho bài tập về nhà và mức độ đi học đều đặn.
- Học viên đã từng học một ngoại ngữ khác thường tiếp thu các bài đầu khá nhanh, và chậm lại khi bắt đầu học các cách (Kasus) và thì quá khứ.

Học A1.1 mất bao lâu?

Vì mỗi học viên học số giờ khác nhau mỗi tuần, dưới đây là thời gian hoàn thành khóa học tương ứng:

Số giờ học mỗi tuần	Thời gian hoàn thành A1.1
2 giờ	khoảng 5–7 tháng
3 giờ	khoảng 3–5 tháng
4 giờ	khoảng 2,5–3,5 tháng
6 giờ	khoảng 1,5–2,5 tháng

Sự đều đặn quan trọng hơn tốc độ

Học ngoại ngữ là một quá trình dài, không phải một khóa học ngắn hạn. Điều quan trọng nhất không phải là học viên đăng ký bao nhiêu giờ, mà là mức độ đều đặn khi đến lớp và luyện tập. Một học viên học 2 giờ mỗi tuần nhưng không bỏ buổi nào sẽ tiến bộ nhanh hơn học viên học 6 giờ mỗi tuần rồi nghỉ cả tháng. Thời gian nêu trên được tính với điều kiện học viên đi học đều đặn và hoàn thành bài tập giữa các buổi học.

Kiểm tra và ôn tập

- Cuối mỗi bài học trong sách Menschen đều có bài kiểm tra. Học viên làm ở nhà, sau đó giáo viên chữa cùng cả lớp trong buổi học tiếp theo.
- Sau mỗi phần — tức sau mỗi ba bài học — có một mục ôn tập lại ngữ pháp và từ vựng của cả phần đó.
- Ở trình độ này không có kỳ thi riêng trên lớp. Tiến độ của học viên được theo dõi qua các bài kiểm tra cuối bài, các phần ôn tập và nhận xét trực tiếp của giáo viên trong buổi học.

Nội dung từng bài học

Phần 1 — Bài 1–3

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 1: Hallo! Ich bin Nicole ... <i>Xin chào! Tôi là Nicole ...</i> Chủ đề: Chào hỏi; hỏi thăm sức khỏe 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Tên các quốc gia - Bảng chữ cái	- Chia Động từ ở số ít: ich heiße, du heißt - Câu hỏi có từ để hỏi: Woher ...? Wie ...?	- chào hỏi và tạm biệt - hỏi thăm sức khỏe và trả lời - giới thiệu bản thân và người khác - nói mình đến từ đâu - đánh vần tên của mình
Bài 2: Ich bin Journalistin. <i>Tôi là nhà báo.</i> Chủ đề: Thông tin cá nhân và nghề nghiệp 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Nghề nghiệp - Tình trạng hôn nhân - Số đếm 1–100	- Chia Động từ ở số ít và số nhiều: haben, sein, arbeiten - Phủ định với nicht - Cấu tạo từ: hậu tố -in cho nghề nghiệp giống cái	- nói về nghề nghiệp và thông tin cá nhân của mình - nói mình không phải là gì - đọc hiểu danh thiếp và hồ sơ trên mạng - viết một đoạn giới thiệu ngắn về bản thân
Bài 3: Das ist meine Mutter. <i>Đây là mẹ tôi.</i> Chủ đề: Gia đình 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Gia đình - Các ngôn ngữ	- Câu hỏi Ja/Nein và cách trả lời ja, nein, doch - Mạo từ sở hữu mein và dein - Động từ biến đổi nguyên âm: ich spreche – du sprichst	- nói về gia đình của mình - nói mình biết những ngôn ngữ nào và ở mức độ nào - trả lời câu hỏi Ja/Nein, kể cả với doch - theo dõi một đoạn hội thoại khi nghe và đọc
Ôn tập cuối phần 1–3 giờ	Phần ôn tập: hệ thống lại ngữ pháp và từ vựng của Bài 1–3.		

Phần 2 — Bài 4–6

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 4: Der Tisch ist schön! <i>Cái bàn đẹp quá!</i> Chủ đề: Mua sắm và đồ nội thất 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Số đếm 100–1.000.000 - Đồ nội thất - Tính từ	- Mạo từ xác định der, das, die - Đại từ nhân xưng er, es, sie	- hỏi giá và nói giá của một món đồ - nhận xét về một món đồ - theo dõi một cuộc trò chuyện mua bán - đề nghị giúp đỡ người khác

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 5: Was ist das? – Das ist ein F. <i>Đây là gì? – Đây là chữ F.</i> Chủ đề: Đồ vật và sản phẩm 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Màu sắc - Đồ vật hằng ngày - Chất liệu - Hình dạng	- Mạo từ không xác định ein, ein, eine - Mạo từ phủ định kein, kein, keine	- hỏi một vật gọi là gì trong tiếng Đức - đề nghị người khác nhắc lại - miêu tả một đồ vật - cảm ơn và đáp lại lời cảm ơn - đọc thông tin sản phẩm và điền vào biểu mẫu
Bài 6: Ich brauche kein Büro. <i>Tôi không cần văn phòng.</i> Chủ đề: Văn phòng và thiết bị công nghệ 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Văn phòng - Máy tính và thiết bị	- Số ít và số nhiều: ein Handy – drei Handys - Cách 4 (Akkusativ): Ich habe einen Laptop.	- gọi và nhận điện thoại bằng các mẫu câu thông dụng - nói mình có và không có gì - hiểu nội dung email và tin nhắn
Ôn tập cuối phần 1–3 giờ	Phần ôn tập: hệ thống lại ngữ pháp và từ vựng của Bài 4–6.		

Phần 3 — Bài 7–9

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 7: Du kannst wirklich toll ...! <i>Bạn giỏi ... thật đấy!</i> Chủ đề: Thời gian rảnh và lời khen 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Các hoạt động giải trí	- Động từ khuyết thiếu können - Khung câu (Satzklammer): Du kannst super Gitarre spielen.	- khen ngợi người khác - nói về sở thích và khả năng của mình - đề nghị một cách lịch sự - cảm ơn người khác
Bài 8: Kein Problem. Ich habe Zeit! <i>Không vấn đề gì. Tôi có thời gian!</i> Chủ đề: Thời gian rảnh và hẹn gặp 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Các buổi trong ngày - Các ngày trong tuần - Giờ giấc - Hoạt động giải trí	- Vị trí động từ trong câu: Heute Abend habe ich keine Zeit. - Giới từ chỉ thời gian am và um	- hẹn gặp người khác - đưa ra lời đề nghị và phản hồi lời đề nghị - đọc hiểu tin nhắn và đoạn chat - viết lời mời hoặc lời từ chối
Bài 9: Ich möchte was essen, Onkel Harry. <i>Cháu muốn ăn gì đó, bác Harry ạ.</i> Chủ đề: Ăn uống và được mời đến nhà 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Thực phẩm và món ăn	- Chia động từ mögen và möchte - Cấu tạo từ: danh từ + danh từ, ví dụ der Tomatensalat	- nói về thói quen ăn uống và món mình thích - mời và nhận đồ ăn, thức uống trên bàn ăn - theo dõi cuộc trò chuyện về sở thích ăn uống
Ôn tập cuối phần 1–3 giờ	Phần ôn tập: hệ thống lại ngữ pháp và từ vựng của Bài 7–9.		

Phần 4 — Bài 10–12

Bài học	Từ vựng	Ngữ pháp	Sau bài học, học viên có thể...
Bài 10: Ich steige jetzt in die U-Bahn ein. <i>Bây giờ tôi lên tàu điện ngầm.</i> Chủ đề: Đi lại và phương tiện giao thông 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Phương tiện giao thông - Đi lại, du lịch	Động từ tách: Ich rufe dich an.	- hỏi thông tin về việc đi lại - hiểu các thông báo ở nhà ga hoặc sân bay - kết thúc cuộc gọi một cách lịch sự
Bài 11: Was hast du heute gemacht? <i>Hôm nay bạn đã làm gì?</i> Chủ đề: Sinh hoạt hằng ngày và kể chuyện đã qua 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	Các hoạt động thường ngày	- Thì hiện tại hoàn thành (Perfekt) với haben - Giới từ chỉ thời gian von ... bis và ab	- kể lại những việc mình đã làm - đọc hiểu lịch hẹn và email - viết mô tả một ngày của mình
Bài 12: Was ist denn hier passiert? <i>Ở đây đã xảy ra chuyện gì vậy?</i> Chủ đề: Lễ hội và kể chuyện đã qua 3–4 giờ <i>Bài kiểm tra cuối bài, làm ở nhà</i>	- Các mùa trong năm - Các tháng	- Thì hiện tại hoàn thành (Perfekt) với sein - Giới từ chỉ thời gian im	- nói về các lễ hội và những chuyến đi đã thực hiện - hiểu nội dung các bài phỏng vấn - đọc hiểu văn bản thông tin
Ôn tập cuối phần 1–3 giờ	Phần ôn tập: hệ thống lại ngữ pháp và từ vựng của Bài 10–12.		

Sau khi hoàn thành A1.1, học viên có thể

- Chào hỏi, giới thiệu bản thân và người khác, cung cấp thông tin cá nhân
- Nói về nghề nghiệp, gia đình và các ngôn ngữ mình biết
- Hỏi giá, mua sắm và nhận xét về một món đồ
- Miêu tả một đồ vật: màu sắc, chất liệu và hình dạng
- Thực hiện một cuộc gọi đơn giản, hiểu email và tin nhắn
- Nói về sở thích và khả năng của mình
- Hẹn gặp, đưa ra lời đề nghị, viết lời mời hoặc lời từ chối
- Nói về ăn uống, mời và nhận đồ ăn thức uống
- Hỏi thông tin đi lại và hiểu các thông báo
- Kể lại những việc đã làm trong quá khứ bằng thì Perfekt
- Nói về lễ hội, các mùa và các tháng trong năm

Về kỳ thi chứng chỉ

- Hai quyển Menschen A1.1 và A1.2 cùng nhau bao trùm toàn bộ trình độ A1. Kỳ thi tương ứng là Goethe-Zertifikat A1: Start Deutsch 1, dành cho người lớn.
- Chỉ hoàn thành A1.1 thì chưa đủ để dự thi — học viên cần học tiếp và hoàn thành A1.2.
- Khóa luyện thi là khóa học riêng, không bao gồm trong số giờ nêu trên.